

**PHÂN BIỆT MỘT SỐ DƯỢC LIỆU, VỊ THUỐC CÓ ĐỘC DỄ NHẦM LẤN  
ĐƯỢC DÙNG TRONG Y HỌC CỔ TRUYỀN**

**PGS.TS. Hoàng Minh Chung**

*Trường Đại học Hoà Bình*

*Tác giả liên hệ: hmchung@daihochoabinh.edu.vn*

Ngày nhận: 10/12/2023

Ngày nhận bản sửa: 18/12/2023

Ngày duyệt đăng: 21/12/2023

**Tóm tắt**

*Bài viết này đưa ra minh chứng để phân biệt về hình thái, tên khoa học, cách chế biến, tác dụng và thành phần có thể gây độc khi dùng nhầm lẫn của một số nhóm dược liệu, vị thuốc: Xuyên Mộc thông và Quắn Mộc thông; Phần phòng kỷ và Quảng phòng kỷ; Xuyên ô, phụ tử và thảo ô; Bạch phụ tử/ Bạch phụ phiến, Bạch phụ tử chế và Bán hạ nam; Tế tân; Thủy xương bồ, Thạch xương bồ và Cửu tiết xương bồ.*

**Từ khóa:** *Mộc thông, Phòng kỷ, Phụ tử, Tế tân.*

**Distinguishing Some Poisonous Medicinal Herbs and Traditional Medicines That Are Easily Confused in Traditional Medicine**

**Assoc.Prof., Dr. Hoang Minh Chung**

*Hoa Binh University*

*Corresponding Author: hmchung@daihochoabinh.edu.vn*

**Abstract**

*This article provides evidence to distinguish the morphology, Latin names, processing methods, effects and ingredients that can be toxic when used by mistake of some groups of medicinal herbs and traditional medicine: Caulis Clematidis Armandii and Caulis Aristolochiae Manshuriensis; Caulis Stephania tetrandra and Caulis Aristolochia Fangchi; Herba Asarum and Radix et Rhizoma Asarum; Radix Aconitum Camichaeli, Radix Aconitum fortune and Radix Aconitum Kusnezoffii; Radix Aconitum Camichaeli, Rhizoma Typhonium giganteum and Rhizoma Typhonium trilobatum; Rhizoma Acori calami, Rhizoma Acori Tatarinowii and Radix Anemone altaica.*

**Keywords:** *Toxin, Aristolochi, Aconiti, Safaron.*

**1. Đặt vấn đề**

Hiện nay, sử dụng thuốc cổ truyền đã và đang trở thành một xu hướng phát triển mạnh, không những ở nước ta, mà còn ở nhiều nước trên thế giới. Người ta

ưa chuộng thuốc cổ truyền vì nó không những có tác dụng chữa bệnh tốt, mà còn có tác dụng điều hoà, cân bằng sự hoạt động giữa các cơ quan, bộ phận trong cơ thể để duy trì sức khoẻ, cải

thiện cuộc sống. Ngoài ra, hầu hết các thuốc cổ truyền có độ an toàn cao, được sử dụng từ bao đời nay, ít có tác dụng mạnh như các hoạt chất hoá học và dễ sử dụng [1]. Tuy nhiên, mức độ an toàn và hiệu quả điều trị của nó phụ thuộc rất nhiều vào nguồn gốc, chất lượng của dược liệu ban đầu, phương pháp chế biến và bào chế thuốc cổ truyền. Trên thế giới cũng như ở Việt Nam, một số dược liệu bị phát hiện dùng nhầm loài, nhầm bộ phận dùng hoặc chế biến không đúng trong những năm gần đây, đặc biệt những dược liệu có độc được dùng làm thuốc trong Y học cổ truyền [2-4].

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi xin chia sẻ phương pháp đơn giản

nhất để có thể phân biệt được một số dược liệu, vị thuốc có độc dễ bị nhầm lẫn thường dùng trong y học cổ truyền để có thể đảm bảo an toàn khi sử dụng từ nghiên cứu thực tế trên thị trường dược liệu ở Việt Nam và tài liệu đã được công bố [4-5].

**2. Đối tượng, phương pháp**

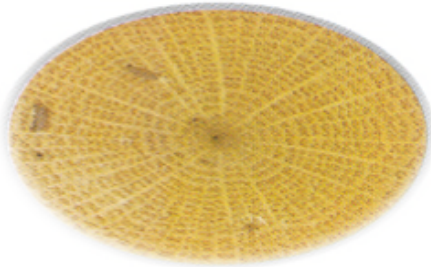

- Danh mục dược liệu có độc dễ bị nhầm lẫn: Mộc thông, Phòng kỷ, Phụ tử, Xương bồ, Tế tân.




- Phương pháp phân biệt: hình ảnh, mô tả; tên khoa học; phương pháp chế biến; tác dụng, mức độ độc.

**3. Kết quả**

**3.1. Những dược liệu không cần chế biến**


**Bảng 1.** Mô tả dược liệu không cần chế biến






TT	Hình thái, mô tả	Tên Việt Nam/ khoa học	Sử dụng trong YHCT	Thành phần độc
<b>1</b>	<b>Xuyên Mộc thông và Quân Mộc thông</b>			
1.1	 <p>Phiến thuốc thường bị mất vỏ, mép phiến không đều. Lõi rõ, mặt cắt ngang với vân sọc xuyên tâm màu vàng trắng và nứt nẻ [4].</p>	Xuyên Mộc thông <i>Caulis Clematidis Armandii</i>	Thanh nhiệt lợi tiểu. Thông kinh lạc tăng tiết sữa.	Không độc.
1.2	 <p>Phiến thuốc thường có vỏ. Lõi không rõ. Mặt cắt với những mạch vòng không đều đặn và xuyên tâm [5].</p>	Quân Mộc thông <i>Caulis Aristolochiae Manshuriensis</i>	Thanh nhiệt tả hỏa, tiêu són. Thông kinh lạc tăng tiết sữa.	Acid Aristoloric gây tổn thương thận cấp và mạn, ung thư đường tiết niệu.

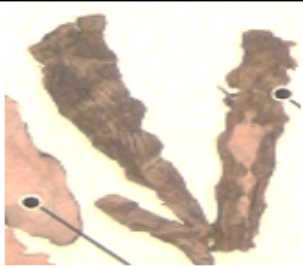


<b>2 Phần Phòng kỹ và Quang Phòng kỹ</b>				
2.1		Phần Phòng kỹ Caulis <i>Stephania tetrandra</i>	Lợi tiểu tiêu phù. Trừ phong và chỉ thống.	Không độc.
	Mặt phiến thuốc màu vàng xám, có vân thưa thớt đồng tâm. Bề bề mặt phẳng, có tinh bột [4].			
2.2		Quang Phòng kỹ Caulis <i>Aristolochia Fangchi</i>	Trừ phong chi thống, thanh nhiệt tiêu mủ.	Acid Aristoloric gây tổn thương thận cấp và mạn, ung thư đường tiết niệu.
	Mặt phiến thuốc màu nâu xám, các vân xám trắng xen kẽ. Bề mặt ráp không có tinh bột [5].			
<b>3 Tế tân Rễ và toàn cây trên mặt đất</b>				
3.1		Radix et Rhizoma Asari	Khu phong, tán hàn, thông khiếu, giảm đau, ôn phế, hoá đàm ẩm.	Thân và lá có Acid Aristoloric gây tổn thương thận cấp và mạn, ung thư đường tiết niệu. Rễ không có độc.
	[5]			

3.2. Những dược liệu cần chế biến trước khi dùng

**Bảng 2.** Mô tả dược liệu cần chế biến trước khi dùng

TT	Hình thái, mô tả	Tên Việt Nam/ khoa học	Phương pháp chế biến	Sử dụng trong YHCT (sau chế biến)	Thành phần độc
<b>1 Xuyên ô, Phụ tử và Thảo ô</b>					
1.1	 Củ con (rễ) không đều, có hình nón, ở giữa hơi phồng ra [4].	Xuyên ô: <i>Radix Aconitu Camichaeli</i>	- Hắc phụ tử/ Hắc phụ phiên: Ngâm muối (10 ngày), luộc, tẩm tạo màu. - Bạch phụ tử/ Bạch phụ phiên: Ngâm muối (10 ngày), luộc, bóc vỏ, hấp.	Hồi dương cứu nghịch, bổ thận dương, trừ phong hàn thấp. Ôn hóa hàn đàm.	Aconitin Aconitin và các alkaloid rất dễ bị hấp thụ khi nuốt, và qua da và màng nhầy. Gây nôn mửa, chóng mặt, tê liệt thần kinh và dẫn tới tử vong do trục tim.

<p>1.2</p>	 <p>Củ con (rễ) không đều, đầu to đầu nhỏ, nhiều củ nhánh [3].</p>	<p>Phụ tử: Radix <i>Aconitum fortunei</i></p>	<p>- Hắc phụ tử/ Hắc phụ phiên: Ngâm muối (6 tháng), luộc, tẩm tạo màu. - Bạch phụ tử/ Bạch phụ phiên: Ngâm muối (6 tháng), luộc, bóc vỏ, hấp.</p>	<p>Hồi dương cứu nghịch, bổ thận, đương, trừ phong hàn thấp. Ôn hóa hàn đàm, Ích hoá bổ dương trừ hàn.</p>	<p>Ô đầu chi dùng ngoài, Phụ tử dùng trong bắt buộc phải qua chế biến.</p>
<p>1.3</p>	 <p>Rễ không đều, dài, cong, đầu rễ to, hình nón [4].</p>	<p>Thảo ô: Radix <i>Aconitum kusnezoffii</i></p>	<p>- Luộc với cam thảo.</p>	<p>Trừ phong thấp, ôn kinh trừ hàn, chi thông, đau dây thần kinh tọa.</p>	
<p><b>2 Bạch phụ phiên, Bạch phụ tử chế và Chóc chuột</b></p>					
<p>2.1</p>	 <p>Phiên thuốc trơn, màu vàng trắng, thường các phiên cắt theo chiều dọc, hơi trong, phía cuối hẹp nhỏ [4],</p>	<p>Bạch phụ tử/ Bạch phụ phiên: Radix <i>Aconitum carmichaeli</i></p>	<p>Ngâm muối (10 ngày), luộc, bóc vỏ, hấp.</p>	<p>Ôn hóa hàn đàm, Ích hoá bổ dương trừ hàn.</p>	<p>Aconitin</p>
<p>2.2</p>	 <p>Bên ngoài phiên thuốc màu nâu nhạt, mặt cắt màu vàng, giống sừng. Phiên thuốc dạng hình trứng hoặc tròn [4].</p>	<p>Bạch phụ tử chế: Rhizoma <i>Typhonium giganteum</i></p>	<p>Ngâm Ethanol 36- 96 h, nấu với nước gừng [6].</p>	<p>Trừ phong đờm, trấn kinh, giải độc, tiêu ú trệ, chi thông.</p>	<p>Tác dụng độc hại mạnh liên quan đến tình trạng viêm gây hoại tử ở đại thực bào.</p>
<p>2.3</p>	 <p>Củ nhỏ, mặt ngoài màu vàng nâu, mặt cắt màu ngà như sừng [3].</p>	<p>Bán hạ nam Rhizoma <i>Typhonium trilobatum</i></p>	<p>Ngâm phèn chua, chế nước gừng, cam thảo.</p>	<p>Táo thấp hoá đàm, hoà vị, tiêu viêm, tán kết.</p>	<p>Chưa có báo cáo có độc.</p>

3 Thủy xương bồ, Thạch xương bồ và Cừu tiết xương bồ					
3.1	 <p>Rễ ít cong, ít phân nhánh, đường kính 1-1,5 cm. Mặt ngoài rễ nâu xám hoặc nâu, những mấu hình vành khuyên rõ, khoảng cách giữa các mấu 0,2-1,5cm [4].</p>	<p>Thủy xương bồ: Rhizoma <i>Acori calami</i></p>	<p>Sao vàng, sao cám gạo Rhizoma <i>Acori calami</i> Rhizoma <i>Acori Tatarinowii</i> Radix <i>Anemone altaica</i></p>	<p>Đuối côn trùng, trị đâm, trị ho, chống viêm, điều hòa miễn dịch.</p>	<p>Có thành phần beta Asaron trong tinh dầu độc với gan, bất lợi trên tim và có khả năng gây ung thư.</p>
3.2	 <p>Rễ cong queo, phân nhánh, đường kính 0,3-1 cm. Mặt ngoài màu nâu đỏ hoặc nâu xám, xù xì, thường có mấu hình khuyên, khoảng cách các mấu khoảng 0,2-0,8 cm [4].</p>	<p>Thạch xương bồ (2 loài): Rhizoma <i>Acori Tatarinowii</i> và Rhizoma <i>Acori graminei</i></p>		<p>Trừ đờm, hành khí để hoạt huyết, trừ phong thấp.</p>	
3.3	 <p>Rễ nhỏ, đường kính 0,2-3 cm, mặt ngoài màu nâu đỏ có đốt nhỏ, Mùi thơm kích thích [7].</p>	<p>Cừu tiết xương bồ: Radix <i>Anemone altaica</i></p>	<p>Sấy khô hoặc nấu</p>	<p>Điều trị chứng chán ăn, co thắt dạ dày và ruột, động kinh, trầm cảm.</p>	<p>Protoanemonin có trong tinh dầu có thể gây kích ứng nghiêm trọng đường tiêu hóa.</p>

#### 4. Bàn luận

Y dược học cổ truyền là vốn cổ rất quý của dân tộc ta và có lịch sử lâu đời. Mặc dù trải qua nhiều thời kỳ thăng trầm nhưng vẫn luôn đóng vai trò quan trọng trong chăm sóc sức khỏe cho người dân và ngày càng được ưu chuộng với những lợi thế riêng của nó. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, việc sử dụng

dược liệu nói chung và thuốc cổ truyền nói riêng, có một số nhầm lẫn loài, bộ phận dùng, cách chế biến không những ở nước ta mà còn một số nước trên thế giới do tên gọi gần như nhau. Sự nhầm lẫn này có thể gây độc cho người sử dụng mà đã được FDA và một số nhà khoa học khuyến cáo [4].

Sự nhầm lẫn về loài của một số dược

liệu làm thuốc nên không những ảnh hưởng đến kết quả điều trị mà còn có thể gây tác hại cho người bệnh, trong đó, có những dược liệu chứa Acid aristolochic đã được phát hiện có trong một số dược liệu từ năm 1983. Tuy nhiên, chưa có khuyến cáo cấm sử dụng những dược liệu này. Theo Cơ quan Kiểm soát Dược phẩm Anh, 63 mẫu thuốc thảo dược chế biến sẵn của Trung Quốc và các vị thuốc được bán ở Anh được cho là có nguy cơ nhầm lẫn với dược liệu loài *Aristolochia* đã được lấy mẫu: trong số đó, 28 (44%) có chứa acid Aristolochic. Đây chủ yếu là các nguyên liệu thảo dược được mô tả là fangji (Quảng phòng kỷ (*Radix Aristolochia fangchi*) và mutong (Quản Mộc thông (*Caulis Aristolochiae manshuriensis*) [8-11]. Đến năm 2004, một số nước trên thế giới đã cấm sử dụng những thảo dược này [4-12]. Sau đó, thân của cây Tế tân (Herba Asarum) cũng được phát hiện có acid Aristolochic [13].

Theo nghiên cứu của chúng tôi từ năm 2010, 100% mẫu Phòng kỷ được thu thập trên thị trường Việt Nam đều có acid Aristolochic I, một số mẫu mộc thông có acid Aristolochic [5] và Bộ Y tế Việt Nam cũng khuyến cáo kiểm soát, thu hồi các loài này không được sử dụng [3].

Sự nhầm lẫn các loài thuộc chi *Aconitum* cũng gây ngộ độc cho người dùng. Thành phần chính của các loài này là Aconitin là một alkaloid cực độc.

Nó là một chất độc thần kinh, ở người liều gây tử vong nằm trong khoảng 2-5 mg/kg theo đường miệng. Trong các loài này, quy trình chế biến để giảm độc có khác nhau. Ngoài ra, có hai vị thuốc tên Việt Nam gần giống nhau (Bạch phụ tử/ Bạch phụ phiến và Bạch phụ tử chế) nhưng có nguồn gốc từ hai cây thuộc hai chi khác nhau là *Aconitum* và *Typhonium*; khác nhau về hoạt chất gây độc, khác nhau về quy trình chế biến, mặc dù theo Y học cổ truyền, hai vị này lại có tác dụng gần như nhau. Vì vậy, cần kiểm soát chặt chẽ và chế biến theo đúng quy trình để đảm bảo an toàn cho người sử dụng [4, 14, 15].

Các nghiên cứu về độc tính cũng đã chỉ ra rằng,  $\alpha$ -asaron và  $\beta$ -asaron trong các loài thuộc chi *Acorum* (*A. tatarinowii*, *A. Catami*) có thể gây ra u gan, có thể gây đột biến, nhiễm độc gen và gây quái thai. Nghiên cứu chỉ ra rằng,  $\beta$ -asaron độc hơn  $\alpha$ -asaron. Nếu dùng thời gian dài có thể gây độc tế bào và gây độc gen trên tế bào HepG2 [16]. Đối với một loài xương bồ khác là Cửu tiết xương bồ (*Anemone altaica*) có thành phần và độc khác hai loài trên [7]. Các loài này cũng cần chế biến trước khi sử dụng để tránh độc hại [14-15].

Những dược liệu, vị thuốc trên theo từng cặp, dù có tên Việt Nam gần như nhau nhưng có thể phân biệt được dễ dàng nhờ hình thái của dược liệu, vị thuốc để tránh bị độc do nhầm lẫn khi sử dụng [3-4].

**Tài liệu tham khảo**

[1]. Nguyễn Nhược Kim, Hoàng Minh Chung (2009), *Dược học cổ truyền*, Nxb Y học Hà Nội.

[2]. Trần Thị Hồng Phương (2010), “*Báo cáo thực trạng chất lượng dược liệu và thuốc đông y, thuốc từ dược liệu trên thị trường và các biện pháp quản lý*”, Tài liệu Hội nghị tổng kết công tác y dược cổ truyền năm 2009 và phương hướng công tác năm 2010 - Bộ Y tế.

[3]. Hoàng Minh Chung (2012), “*Tình hình chất lượng dược liệu và các vị thuốc YHCT dễ bị nhầm lẫn, giả mạo*”, Tài liệu tập huấn Nhận dạng dược liệu và phương pháp bảo chế theo YHCT, Cục Y Dược cổ truyền - Bộ Y tế.

[4]. School of Chinese Medicine - Hong Kong Baptist University (2002), *Easily Confused Chinese Medicines in Hong Kong*, Chineses Medicines Merchants Association.

[5]. Nguyễn Hồng Siêm, Hoàng Minh Chung và cs (2012), *Đánh giá thực trạng chất lượng một số dược liệu thường dùng trong thuốc cổ trên địa bàn Hà Nội*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Thành phố. Mã số: 01C-08/14-2010-2.

[6]. Wei Wang, Hao Wu, Hongli Yu and et al (2017), *Typhonium giganteum Lectin Exerts A Pro-Inflammatory Effect on RAW 264.7 via ROS and The NF-κB Signaling Pathway*.

[7]. Peter Altmeyer, Martina Bacharach-Buhles (2023), Rhizome calami <https://www.altmeyers.org/en/naturopathy/rhizome-calami-143699>

[8]. Subhuti Dharmananda, Ph.D (2001), *Are Aristolochia plants dangerous?* ITM's Herb Safety Articles and Related Concerns.

[9]. Chen CH, Dickman KG, Moriya M, Zavadil J, Sidorenko VS, Edwards KL, Gnatenko DV, Wu L, Turesky RJ, Wu XR, Pu YS, Grollman AP (2012), *Aristolochic acid-associated urothelial cancer in Taiwan*, National institutes of Health, 109 (21): pp 8241-8246.

[10]. Johanna Michl,1 Olusheyi Bello,1 Geoffrey C. Kite (2017), *Medicinally Used Asarum Species: High-Resolution LC-MS Analysis of Aristolochic Acid Analogs and In vitro Toxicity Screening in HK-2 Cells*, Journal - frontiersin.

[11]. Xuanjun Fang (2020), *Chinese Patent Traditional Medication Containing Aristolochic Acid and its Herbal Medicinal Plant, Efficacy and Harmfulness*, HortHerb Publisher, Vol.10, No.2, 1-12.

[12]. WHO (2004), *Aristolochic acid, to be replaced by Stephania tetrandra and Inula helenium*, WHO Pharmaceutiacals Newsletters, No.5, pp 1.

[13]. Subhuti Dharmananda, Ph.D., Director (2001), *Afety issues affecting Chinese herbs, The Case of Asarum*, ITM's Herb Safety Articles and Related Concerns.

[14]. Bộ Y tế, *Dược điển Việt Nam V* (2017), Nxb Y học, tập 2.

[15]. Pharmacopoeia of the people's Republic of China (English edition 2010), *China Medical Science Press*, Vol I.

[16]. Wang Meng, Tang Hai-Peng, Wang Shuang (2023), *Acorus tatarinowii Schott: A Review of Its Botany, Traditional Uses, Phytochemistry, and Pharmacology*, <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/37299001/>